

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2019/TLST-HN&GD ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 358, tổ 7, khu dân cư khóm 8, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Hồng V, sinh năm 1972; (có mặt).

Nơi cư trú: số 358, tổ 7, khu dân cư khóm 8, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: A1/8, ấp 1, xã T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:

Bà L và ông Phan Hồng V tự quen biết và yêu thương nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên,

huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01, ngày 18/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng với ông V không còn nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Phan Hồng V.

Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông V có 02 con chung tên Phan Hồng Thảo V, sinh năm 2008 và Phan Hồng P, sinh ngày 27/9/2015. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hồng V trình bày:

Ông V thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà L trình bày, thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cự cãi liên quan đến việc chi tiêu kinh tế gia đình, ông V nghi ngờ bà L có quan hệ tình cảm với người khác nên có hành vi giật điện thoại và đập hỏng điện thoại của bà L, sự việc trên bà L có trình báo Công an phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc và Công an có mời vợ chồng làm việc, lập biên bản. Ông V không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chỉ phát sinh những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mong muốn có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi con và xây dựng gia đình.

Về con chung, cấp dưỡng: Thống nhất lời trình bày của bà L về con chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Hồng Thảo V, sinh năm 2008 và Phan Hồng P, sinh ngày 27/9/2015, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

Tại phần tranh tụng phiên tòa sơ thẩm, các đương sự nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy L và bị đơn ông Phan Hồng V thống nhất thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Về hôn nhân thống nhất thuận tình ly hôn; về con chung mỗi người nuôi 01 con (bà L nuôi cháu Vy, ông V nuôi cháu Phát), các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp, có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tại phần tranh luận các đương sự đã thống nhất thỏa thuận giải quyết được toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xem xét ban hành bản án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề: Về hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Phan Hồng V; con chung bà Nguyễn Thị Thúy L được tiếp tục nuôi cháu Phan Hồng Thảo V, ông Phan Hồng V được tiếp tục nuôi cháu Phan Hồng P, các bên không phải cấp dưỡng để nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Hồng V nên đây là vụ án "tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phan Hồng V tuy đăng ký hộ khẩu thường trú tại A1/8, ấp 1, xã Tân Quý Tây, Quận Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thường xuyên sinh sống tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc (kết quả xác minh tại Công an phường Châu Phú A tại Bút lục số 54A) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyền số 01, ngày 18 tháng 4 năm 2008 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia

đình. Trong thời gian sống chung, bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khi cự cãi ông V có lời nói chửi mắng bà L. Tháng 10/2019, do nghi ngờ bà L có quan hệ tình cảm với người khác nên ông V có hành vi giật lấy và đập hỏng điện thoại của bà L, sự việc được Công an phường Châu Phú A lập biên bản. Tháng 9/2019, bà L đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút lại đơn, hiện tại bà L ông V đã không còn chung sống với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L, ông V thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà L, ông V đều xác định ông bà có 02 con chung là: Phan Hồng Thảo V, sinh năm 2008 và Phan Hồng P, sinh ngày 27/9/2015. Tại phiên tòa, bà L, ông V cùng thống nhất thỏa thuận, bà L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Hồng Thảo V, ông V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Hồng P, bà L và ông V không cấp dưỡng qua lại để nuôi con.

Xét thấy, cháu Phan Hồng Thảo V đang sống cùng bà L và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà L; cháu Phan Hồng P đang sống cùng ông V, ông V có nguyện vọng được nuôi cháu Phát. Do đó, sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà L, ông V cùng có yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngày 08/4/2020, ông V có bản tự khai gửi qua đường bưu điện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, bà L, ông V cùng thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Tại phần tranh tụng phiên tòa sơ thẩm các đương sự thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án nên bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; ông V không phải chịu án phí như theo quy định tại khoản 8 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Phan Hồng V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01, ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[1.2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thúy L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Hồng Thảo V, sinh năm 2008; ông Phan Hồng V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Hồng P, sinh ngày 27/9/2015; bà L, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0003472 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà L đã nộp xong án phí.

Ông Phan Hồng V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L, ông V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Ngọc Tiên